

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---***---

Bản án số: **04/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/6/2020.

“Kiện xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Huệ.**

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Sỹ.

Ông Nông Văn Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đàm Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa: Ông **Ma Văn Tùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc *“Kiện xin ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lý Thị M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Bàn Tiến V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Mười và anh Vàng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Tiến V qua tìm hiểu tự nguyện đã đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 8 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Na Hang. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, chị và anh V sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị được yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Tiến V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Bàn Thái S, sinh ngày 19/5/2004 và Bàn Minh Th, sinh ngày 15/01/2007 (hiện nay hai con chung đang ở cùng anh Vàng). Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết bị đơn anh Bàn Tiến V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và Chị Lý Thị M qua tìm hiểu tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại thôn B, xã H, huyện Na Hang, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M đi làm công nhân ở Bắc Ninh và có quan hệ với người đàn ông khác, từ đó chị M không quan tâm đến chồng con, thời gian đầu chị M thường xuyên về thăm anh và các con, nhưng từ cuối năm 2018 đến nay thì chị M không về và cũng không quan tâm đến hai con, vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị M xin ly hôn anh không nhất trí, anh yêu cầu đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Bàn Thái S, sinh ngày 19/5/2004 và Bàn Minh Th, sinh ngày 15/01/2007, hiện nay hai con chung đang ở cùng anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ/hai con.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị M giữ nguyên quan điểm của mình là yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Tiến V; Về con chung: Do hai con có nguyện vọng được ở với anh V, nên chị nhất trí để anh Vàng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Thái S và cháu Bàn Minh Th và chị nhất trí cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ/hai con (mỗi con là 750.000đ). Về tài sản và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Bàn Tiến V giữ nguyên quan điểm của mình là không nhất trí ly hôn; Về con chung anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ/hai con. Về tài sản và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh V. Về con chung: Giao cháu Bàn Thái S, sinh ngày 19/5/2004 và Bàn Minh Th, sinh ngày 15/01/2007 cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ghi nhận việc chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng/hai con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung, chị M và anh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ngày 09/12/2019 Tòa án huyện Na Hang thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị M với anh Bàn Tiến V có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh V là hợp pháp, hai bên tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thấy rằng: Chị M và anh V chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, anh V nghi ngờ chị M có quan hệ với người đàn ông khác, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lý Thị M và anh Bàn Tiến V đã rất trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh V không nhất trí ly hôn không phải xuất phát từ tình yêu thương thật sự, mà chỉ muốn gây khó khăn cho việc xin ly hôn của chị M, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lý Thị M được ly hôn với anh Bàn Tiến V. Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh V.

[3] *Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung*: Quá trình giải quyết vụ án chị Lý Thị M và anh Bàn Tiến V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa sau khi nghe công bố lời khai của cháu S và lời trình bày của cháu Th, chị M và anh V tôn trọng nguyện vọng của các con, chị M nhất trí để cháu S và cháu Th cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn với là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/hai con. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị M và anh V thống nhất để anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và cháu Th, chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng/ hai con là hoàn toàn tự nguyện và hợp lý, do đó cần áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu là Bàn Thái S, sinh ngày 19/5/2004 và cháu Bàn Minh Th, sinh ngày 15/01/2007 cho anh Bàn Tiến V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lý Thị M tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là 1.500.000đ (Năm

trăm nghìn đồng)/tháng/ hai con (mỗi con là 750.000đ) và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lý Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị M. Cho chị Lý Thị M được ly hôn với anh Bàn Tiến V. Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh Bàn Tiến V. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh V chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Thái S, sinh ngày 19/5/2004 và Bàn Minh Th, sinh ngày 15/01/2007 cho anh Bàn Tiến V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lý Thị M tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/hai con (mỗi con là 750.000đ). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu S và cháu Th đủ 18 tuổi. Chị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

" Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015".

3. Về án phí: Chị Lý Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000^đ (Ba trăm nghìn đồng), Tổng số tiền án phí chị M phải chịu là 600.000^đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Chị Lý Thị M đã nộp tạm ứng án phí là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền N° 0006045 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, nay khấu trừ 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) chuyển thành tiền án phí ly hôn. Chị Lý Thị M còn phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/6/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Huệ

cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí các nội dung trên.

Biên bản kết thúc hội giờ phút cùng ngày, đã thông qua cho các thành phần tham gia, đều nhất trí ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nhâm Hoàng Văn Lang

Phan Anh Thành